TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 9 năm 2017
V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Quang Nghĩa
Bà Vũ Thị Đượm
-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan, Thư ký Tòa án.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Huệ-Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc: "*Ly hôn**, tranh chấp về nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **76**/2017/QĐXX-ST ngày 04/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2017. Giữa:

-*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sn: 1970.
Trú tại: ấp X, xã XH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn**:*** Anh Lê Đình Th, sn:1964.
Trú tại: ấp X, xã XH, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
(*Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2017 của nguyên đơn, bản tự khai và biên bản lời khai, chị Lê Thị H trình bày: Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Lê Đình Th sống chung với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung được khoảng một thời gian, thì chị H và anh Th phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi vã nhau. Chị và anh Th không sống chung với nhau từ tháng 04 năm 2014 cho tới nay. Hiện nay, chị H không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với và anh Lê Đình Th.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Th có 03 con chung là cháu Lê Thị H1, sinh ngày: 19/6/1995; cháu Lê Đình Th1, sinh ngày: 26/6/2000 và

cháu Lê Đình Tr, sinh ngày: 18/01/2004.

Chị yêu cầu nuôi con chung là cháu Lê Đình Th1 và cháu Lê Đình Tr không yêu cầu anh Lê Đình Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn đối với cháu Lê Thị H1 đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Lê Đình Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Lê Thị H và anh Lê Đình Th là vợ chồng.

Về con chung: Xét thấy, hai cháu Lê Đình Th1 và cháu Lê Đình Tr có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Mặt khác, chị Lê Thị H yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị H khởi kiện ly hôn với anh Lê Đình Th, yêu cầu được nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật là: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Lê Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Đình Th, do đó xác định chị H là nguyên đơn, anh Th là bị đơn.

[**2**] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Lê Đình Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh Th là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3**] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nhận thấy: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình Th tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc sống chung của chị H và anh Th không thực hiện theo đúng quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; không công nhận chị Lê Thị H và anh Lê Đình Th là vợ chồng.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Vợ chồng đã ly hôn muốn kết hôn lại với nhau cũng phải đăng ký kết hôn".

[**4**] Về con chung: Xét thấy, cháu Lê Đình Th1 và cháu Lê Đình Tr có nguyện vọng được sống với mẹ, anh Th không có lời khai thể hiện có yêu cầu nuôi con chung hay không, nghĩ nên giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với con chung là Lê Thị H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

Chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: chị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 11; Điều 87, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị H và anh Lê Đình Th là vợ chồng.

- Về con chung: giao cháu Lê Đình Th1, sinh ngày: 26/6/2000 và cháu Lê Đình Tr, sinh ngày: 18/01/2004 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Đình Th.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung: Không có, không giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị H nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H nộp (biên lai thu số 009759 ngày 04/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc) được khấu trừ thành tiền án phí. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Xuân Lộc;
- Thi hành án dân sự H. Xuân Lộc;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Thái